

Bản án số: 200/2017/HS-PT
Ngày: 16-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Hiếu**

Các Thẩm phán: Ông **Phan Văn Thuần**

Bà Ngô Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Tuấn Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nghĩa Biên** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 157/2017/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn S và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 96/2017/HS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Lê Văn S, sinh năm 1987, tại: huyện C, Hà Tĩnh;

Nơi ĐKTT: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở thứ nhất: ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở thứ hai: khu phố 4, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang (sau khi xét xử sơ thẩm); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; con ông Lê Xuân C và bà Cao Thị N, có vợ là bà Phan Thị M, sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2017 đến ngày 15/5/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị bắt lại vào ngày 23/8/2017 đến ngày 25/8/2017 được trả tự do (có mặt)

2. Nguyễn Văn X (K), sinh năm 1983, tại: huyện C, Hà Tĩnh;

Nơi ĐKTT: thôn 2, xã C1, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở thứ nhất: ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang, chỗ ở thứ hai: ấp D, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang

(sau khi xét xử sơ thẩm); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; con ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị C1; có vợ là bà Hoàng Thị T, sinh năm 1983 và 01 người con 12 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến ngày 21/4/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị bắt lại vào ngày 23/8/2017 đến ngày 25/8/2017 được trả tự do (Có mặt).

3. Hoàng Văn T, sinh năm 1975, tại: Kỳ Anh – Hà Tĩnh;

Nơi ĐKTT: Xóm 8, xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở thứ nhất: ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang, chỗ ở thứ 2: tổ 2, ấp Dương Tơ, xã Dương Tơ, huyện P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; con ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị D có vợ là bà Nguyễn Thị H, 32 tuổi và 02 người con lớn 11 tuổi, nhỏ 05 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2017 đến ngày 21/4/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị bắt lại vào ngày 23/8/2017 đến ngày 25/8/2017 được trả tự do (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 20/02/2017, Lê Văn S, Nguyễn Văn X, Lê Ngọc H và một số người khác tổ chức uống rượu tại lán trại của bà Hồ Thị L, thuộc tổ 7, ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Đến 12 giờ cùng ngày, Lương Sơn B và Hoàng Văn T đến xin việc làm. S sợ B và T giành việc thợ hồ, nên đến gây chuyện với T và B, hai bên cự cãi nhau một lúc thì S dùng tay đánh vào người T, T tức giận nên đánh trả lại bằng tay. Lúc này, S chạy ra sau lán trại kêu X ra đánh tiếp nhóm của T, S dùng tay đánh vào lưng T, X dùng tay đánh được vào mặt T 2 cái thì T bỏ chạy. X cầm cây sắt chữ V đuổi theo T, B thấy vậy chạy ra can ngăn thì bị H chặn đánh, H và B đánh nhau bằng tay không và gây ra thương tích. Khi X đuổi kịp T, X dùng thanh sắt chữ V đánh trúng đầu và chân của T gây thương tích với tỷ lệ thương tật 17%, cùng lúc này T nhặt một cây leng dưới đường quay người lại đánh trúng vào tay phải X, hậu quả làm gãy xương bàn tay phải, gây thương tích tỷ lệ thương tật 21%.

*Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 217/KL-PY, ngày 17/4/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận: Nguyễn Văn X tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 21%.

*Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 171/KL-PY, ngày 27/3/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận: Hoàng Văn T tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 17%.

*Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 96/2017/HSST ngày 23/8/2017 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Văn S, Nguyễn Văn X và Hoàng Văn T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Lê Văn S** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tính từ ngày 23/8/2017, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2017 đến ngày 15/5/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn X** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tính từ ngày 23/8/2017, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến ngày 21/4/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Hoàng Văn T** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tính từ ngày 23/8/2017, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2017 đến ngày 21/4/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2017, bị cáo Lê Văn S có đơn kháng cáo nội dung X được hưởng án treo với lý do: Mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố bệnh nặng vừa mới mất, còn nuôi mẹ già, con nhỏ, tay phải thì bị liệt, hộ nghèo, trước đây bố là thương binh. Bị cáo đã khắc phục hậu quả cho anh T số tiền 10 triệu đồng.

Ngày 31/8/2017 bị cáo Nguyễn Văn X có đơn kháng cáo nội dung X được hưởng án treo với lý do: Mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, còn nuôi mẹ già, con nhỏ. Bị cáo có ông nội là liệt sĩ tên Nguyễn Văn D và ông chú ruột liệt sĩ tên Nguyễn D1.

Ngày 31/8/2017 bị cáo Hoàng Văn T có đơn kháng cáo nội dung X được hưởng án treo với các lý do: Mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, còn nuôi mẹ già, con nhỏ.

Ngày 05/9/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang có kháng nghị nội dung X giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Văn S, Nguyễn Văn X, Hoàng Văn T và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đến ngày 25/9/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đã rút lại toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Tại phiên tòa, các bị cáo cũng thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: áp dụng thêm cho bị cáo Lê Văn S tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51-BLHS năm 2015; bị cáo Hoàng Văn T thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm đ, b khoản 1, Điều 46-BLHS 1999; bị cáo Nguyễn Văn X thêm Điều 47-BLHS 1999 và áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 249-BLTTTHS để giảm hình phạt cho các bị cáo, cụ thể giảm mức hình phạt cho bị cáo S còn 18 tháng tù, bị cáo X giảm còn 15 tháng tù và giảm cho bị cáo T còn 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn S, Nguyễn Văn X, Hoàng Văn T về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 231, 233, 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của Bản án sơ thẩm:

a) Khi thấy nhóm của Hoàng Văn T đến X việc làm thì bị cáo Lê Văn S đã nói với bị cáo Nguyễn Văn X đánh nhóm của Nguyễn Văn T, khi thực hiện thì S và X đã dùng tay đánh bị cáo T, sau đó bị cáo X lấy cây sắt đánh trúng chân, đầu T gây thương tích với tỷ lệ thương tật 17%. Hành vi của bị cáo Lê Văn S và Nguyễn Văn X đã sử dụng cây sắt là hung khí nguy hiểm, đánh người vô cớ là có tính chất côn đồ vi phạm điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự nên Quyết định của bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng pháp luật.

b) Bị cáo Hoàng Văn T khi bị nhóm của bị cáo S đuổi đánh đã dùng cây leng (loại cây có cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt dùng để xúc cát, đất) đánh trúng vào tay của Nguyễn Văn X làm gãy xương bàn tay phải, gây thương tích với tỷ lệ thương tật 21%. Hành vi của Hoàng Văn T đã sử dụng hung khí nguy hiểm đánh người là vi phạm điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự nên Quyết định của án sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

a) Đối với bị cáo Lê Văn S: Bị cáo là người khởi xướng đầu tiên để cho các bị cáo khác xông vào đánh nhóm người đến X việc, bị cáo đã chỉ vào mặt Hoàng Văn T nói với bị cáo X “đánh chết mẹ thằng này cho tao” và bị cáo X đã thực hiện theo yêu cầu của S. Hành vi của bị cáo Lê Văn S vừa là người xúi giục vừa là người thực hành nên hậu quả thương tích của bị cáo X gây ra cho Hoàng Văn T bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm và phải chịu mức án cao hơn bị cáo Nguyễn Văn X. Án sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cha bị cáo là thương binh 4/4. Từ đó án sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên mức án 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là chưa thỏa đáng, có phần nặng cho bị cáo. Bởi lẽ bị cáo có cha ruột Lê Xuân S là thương binh hạng 4/4 đây là trường hợp người có công với cách mạng, nhưng án sơ thẩm không áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thiếu sót, cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 để áp dụng bổ sung cho bị cáo. Như vậy bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm nên có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo.

Riêng yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ bị cáo thực hiện hành vi có tính chất côn đồ nên theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 6/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo thì hành vi của bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo.

b) Đối với bị cáo Nguyễn Văn X: Khi nghe bị cáo S hô hào đánh Hoàng Văn T bị cáo đã hưởng ứng ngay đuổi theo T, mặc dù T đã bỏ chạy bị cáo vẫn dùng tay đánh vào mặt T 2 cái và nhặt lấy đoạn sắt gần đó đánh T gây thương tích.

Hành vi phạm tội của bị cáo có 2 tình tiết định khung như “có tính chất côn đồ”, “dùng hung khí nguy hiểm” và án sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có người thân là liệt sĩ, được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương và áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt tù và không cho bị cáo hưởng án treo là đúng. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng do bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 6/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo thì hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp được hưởng án treo nên không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên xét hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ sự xúi giục của bị cáo S và bị cáo tỏ thái độ rất ăn năn hối cải về việc làm sai trái của mình, có yêu cầu X giảm án cho bị cáo T, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng nên cấp phúc thẩm cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tuyên cho bị cáo mức án thấp hơn bị cáo S mới phù hợp với mức độ tham gia và tính chất của từng người đồng phạm theo quy định tại Điều 53 Bộ luật Hình sự.

c) Đối với bị cáo Hoàng Văn T: Do bị nhóm của S đuổi đánh nên bị cáo đã nhặt cây leng đánh trả lại, án sơ thẩm chỉ xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có lỗi và X giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự và quyết định mức hình phạt 02 năm tù bằng với mức hình phạt của Nguyễn Văn X là chưa thỏa đáng. Bởi lẽ bị cáo Lê Văn S và Nguyễn Văn X là người gây sự trước và dùng hung khí nguy hiểm tấn công vô cớ nhóm của bị cáo T, ngay từ đầu T đã bỏ chạy nhưng do nhóm của S dùng hung khí tấn công quyết liệt và bị cáo X đã đánh vào người của T trước gây thương tích 17% nên T mới đánh trả để bỏ chạy. Như vậy nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo T xuất phát từ hành vi trái pháp luật của S và X gây ra, án sơ thẩm chỉ xem xét hành vi có lỗi của người bị hại để áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là chưa đúng, bất lợi cho bị cáo. Bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại gây ra nên cấp phúc thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai thêm đã tự nguyện bồi thường cho bị cáo Nguyễn Văn X 2.500.000đ được sự xác nhận của bị cáo X, tình tiết này

chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên cấp phúc thẩm cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để áp dụng bổ sung cho bị cáo.

Như vậy bị cáo Hoàng Văn T có thêm 2 tình tiết giảm nhẹ mới nên cần giảm hình phạt cho bị cáo và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt nhẹ nhất so với các bị cáo S, X và dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mới đúng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Xét yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo, cấp phúc thẩm thấy rằng tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo là lao động phổ thông, liên tục thay đổi nơi cư trú (trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đã thay đổi chỗ ở) nên không cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

a) Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo Lê Văn S tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Hoàng Văn T thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm đ, b khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; bị cáo Nguyễn Văn X thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 và áp dụng điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

b) Đối với quan điểm đề nghị áp dụng cho bị cáo Nguyễn Văn X thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 với lý do bị cáo X có ông nội tên Nguyễn Văn Duyệt là liệt sĩ, ông chú tên Nguyễn Đình Duy được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhất là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng” trong khi bị cáo là cháu nên không thuộc đối tượng được hưởng tình tiết giảm nhẹ này và cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS để xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ cấp phúc thẩm không áp dụng bổ sung thêm cho bị cáo X.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ chung cho các bị cáo: cả 3 bị cáo đều có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ trong độ tuổi đi học... nên cấp phúc thẩm áp dụng chung cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, về tình tiết giảm nhẹ chưa xem xét đầy đủ cho các bị cáo và mức hình phạt chưa đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự, sửa Bản án sơ thẩm số 96/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang, giảm hình phạt cho các bị cáo.

[6] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã có Quyết định số 01 ngày 25/9/2017 rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01 ngày 05/9/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, xét thấy việc rút quyết định kháng nghị phù hợp với qui định tại Điều 238-Bộ luật tố tụng hình sự, căn cứ điều 241-BLTTHS cấp phúc thẩm không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận theo hướng có lợi cho bị cáo, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Sửa Bản án sơ thẩm số 96/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 17/4/2017 đến ngày 15/5/2017 và từ ngày 23/8/2017 đến ngày 25/8/2017 .

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn X 01 năm 06 tháng tù (18 tháng tù) về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 23/3/2017 đến ngày 21/4/2017 và từ ngày 23/8/2017 đến ngày 25/8/2017.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành

nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 11/4/2017 đến ngày 21/4/2017 và từ ngày 23/8/2017 đến ngày 25/8/2017.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 96/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang về xử lý tang vật, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam – CA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Hiếu